

Số: 112 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2019

## THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày  
(Từ ngày 14 – 20/02/2019)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

#### 1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 25,7 – 28,1°C; Cao nhất: 36,5°C; Thấp nhất: 17,9°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 67 – 71%; Thấp nhất: 67%.
- Tổng số giờ nắng: 61 – 67 giờ.
- Thời tiết: Ít mây đến mây thay đổi, không mưa, ngày nắng nóng.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

**Cây lúa:** Vụ Đông Xuân 2018 – 2019: Xuống giống 14.505 ha/14.516 ha kế hoạch, lúa đang tập trung ở giai đoạn đẻ nhánh, đòng, trổ chín. Các giống chủ yếu: VD 20, OM 4900, OM 6162, OM 7347, OM 5451, MTL 110, ML 202, IR 4625...

#### Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Phát triển lá – loa kèn	9.310/10.734
Rau các loại	Các giai đoạn	3.580,5
Cây có múi	Các giai đoạn	8.320
Chôm chôm	Ra lộc, bông	10.693
Xoài	Thu hoạch	12.266
Chuối	Các giai đoạn	7.239
Sầu riêng	Ra bông, trái	4.167
Tiêu	Thu hoạch	19.022
Điều	Thu hoạch	37.802
Cao su	Khai thác	51.272
Cà phê	Phát triển thân lá	15.278
Khoai mì	Xuống giống	6.966

## II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

**1. Trên cây lúa:** Lúa vụ Đông Xuân 2018 – 2019 đang chủ yếu tập trung ở giai đoạn đẻ nhánh, đòng, trổ chín, các SVH chủ yếu: ốc brou vàng DTN 268 ha giảm 170 ha, bệnh đạo ôn lá DTN 254 ha tăng 38 ha, chuột DTN 213 ha (Tân Phú, Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom) tăng 128 ha do lúa đang trong giai đoạn trổ chín tạo điều kiện cho chuột phát triển,

### 2. Cây trồng khác

- Cây bắp: DTN các SVH ở mức nhẹ do điều kiện thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Do nông dân đã chủ động phòng trừ nên tình hình SVH kỳ qua có xu hướng giảm: nhện nhỏ DTN 209 ha giảm 15 ha, sâu vẽ bùa DTN 200 ha giảm 74 ha; bệnh sọc 50 ha giảm 13 ha.

+ Sầu riêng: Giai đoạn ra bông, nuôi trái, thời tiết nắng nóng nên rầy bông phát triển DTN 99 ha tăng 62 ha. Các SVH khác giảm do nông dân phòng trừ hiệu quả: bệnh cháy gôm DTN 506 ha giảm 57 ha; bệnh cháy lá chết đọt DTN 457 ha giảm 16 ha; bệnh nấm hồng DTN 205 ha giảm 50 ha.

+ Xoài: Bệnh thán thư 284 ha giảm 52 ha do thời tiết nắng nóng hạn chế bệnh phát triển, các SVH khác không thay đổi so với kỳ trước: bọ trĩ DTN 170 ha, ruồi đục quả DTN 110 ha, rầy bông DTN 78 ha.

- Cây công nghiệp:

+ Cây hồ tiêu: Bệnh thán thư DTN 835 ha giảm 157 ha, bệnh chết chậm DTN 681 ha giảm 382 ha, bệnh tuyến trùng DTN 244 ha giảm 233 ha, bệnh chết nhanh DTN 232 ha giảm 101 ha. Các loại SVH trên cây hồ tiêu giảm do điều kiện thời tiết nắng nóng hạn chế một số bệnh phát triển, một số diện tích tiêu già cỗi, bệnh nặng nông dân đã chặt bỏ chuyển đổi sang cây trồng khác.

+ Cây điều: Tình hình SVH có xu hướng giảm do nông dân phòng trừ hiệu quả, thời tiết nắng nóng cũng hạn chế một số loại bệnh phát triển: bọ xít muỗi DTN 1.265 ha giảm 700 ha, bệnh thán thư DTN 1.165 ha giảm 1.150 ha, bọ trĩ DTN 708 ha giảm 326 ha.

+ Cây mì: bệnh khảm lá virus DTN 43 ha giảm 33 ha trên địa bàn các huyện Vĩnh Cửu, Định Quán, Trảng Bom; bệnh vi khuẩn DTN 6,5 ha giảm 297,5 ha do diện tích mì đã thu hoạch.

### III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: rầy nâu, bệnh đạo ôn, chuột, bệnh lem lép hạt.
- Cây rau: Sâu xanh, sâu khoang, bọ nháy, ruồi đục quả.
- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh cháy lá chết đọt, rầy bông (sâu riêng); sâu vẽ bùa, nhện nhỏ, ruồi đục quả (cây có múi); rầy bông, ruồi đục quả, bọ trĩ (xoài).
- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư, bọ xít muỗi, khô rụng trái non (điều); bọ phấn, bệnh khảm lá (mì).

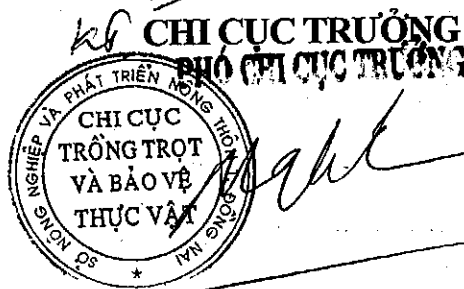
### IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- Cây lúa: Chú ý phòng chống tiêu diệt chuột bằng nhiều biện pháp. Tăng cường theo dõi diễn biến rầy nâu và kiểm tra tỉ lệ rầy mang mầm bệnh trên các trà lúa nhằm hạn chế rầy nâu di trú truyền virus gây bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá.
- Cây mì: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọ phấn trắng trên cây mì và khoanh vùng diện tích bị nhiễm.
- Các cây trồng khác: Áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

Trạm Trồng trọt và BVTV huyện tiếp tục theo dõi diễn biến thời tiết và tình hình dịch hại trên các cây trồng để có biện pháp quản lý phù hợp. Thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân./

#### Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Công Tú



**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH**  
(Từ ngày 14 – 20/02/2019)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	8 - 10		209	0	0	209	0	-15.0	108.0	226	Định Quán, Vĩnh Cửu, Tân Phú
	Sâu vẽ bùa	Ra lộc- lá non	5 - 10		199	1	0	200	0	-74.0	-46.0	100	Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh sẹo	Các giai đoạn	5 - 8		49	1	0	50	0	-13.0	20.0	23	Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Nuôi quả	2 - 3		30	0	0	30	0	0.0	30.0	10	TX Long Khánh
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Các giai đoạn	2 - 10		156	2	0	158	0	9.0	93.0	6	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh muội đen	Các giai đoạn	10		17	2	0	19	0	3.0	-12.0	0	Trảng Bom
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	2 - 10		79	9	0	88	0	2.0	-6.0	7	Trảng Bom, Thống Nhất
Mít	Ruồi đục quả	Nuôi quả	2 - 3		25	0	0	25	0	0.0	0.0	0	TX Long Khánh
	Bệnh thối quả	Nuôi quả	5		20	0	0	20	0	0.0	20.0	5	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chổi rồng nhãn	Bông-trái-thu hoạch	7		40	0	0	40	0	0.0	5.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gân	Các giai đoạn	5 - 10		506	0	0	506	0	-57.0	152.0	194	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Ra bông	7 - 10		457	0	0	457	0	-16.0	215.0	182	Cẩm Mỹ, Tân Phú, Xuân Lộc
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15		205	0	0	205	0	-50.0	43.0	52	Cẩm Mỹ, Tân Phú
	Rầy bông	Bông-đọt, lá non	1 - 10		99	0	0	99	0	62.0	76.0	109	Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Nuôi trái	3 - 15		71	16	2	89	0	0.0	-51.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc

Xoài	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 7		284	0	0	284	0	-52.0	-342.0	50	Định Quán, Xuân Lộc
	Bọ trĩ	Trái-thu hoạch	5 - 6		170	0	0	170	0	5.0	-28.0	330	Xuân Lộc, Vĩnh Cửu
	Ruồi đục quả	Trái-thu hoạch	5 - 10		110	0	0	110	0	0.0	110.0	50	Xuân Lộc
	Rầy bông xoài	Ra hoa đậu trái	3		78	0	0	78	0	0.0	-77.0	0	Định Quán
Ca cao	Bọ xít muỗi	Các giai đoạn	1 - 10		9	0	0	9	0	-4.0	5.0	7	Thông Nhất, Trảng Bom
Cà phê	Rệp sáp	Các giai đoạn	10 - 15		348	2	0	350	0	34.0	169.0	115	Định Quán, Tân Phú, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		344	2	0	346	0	-4.0	54.0	20	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15		162	0	0	162	0	3.0	41.0	0	Cẩm Mỹ, Định Quán
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13 - 30	60	165	70	235	470	0	271.0	-90.0	0	Long Thành, Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	13 - 20		270	1	0	271	0	157.0	-19.0	173	Tân Phú, Cẩm Mỹ, Trảng Bom
Điều	Bọ xít muỗi	Ra hoa đậu trái	1 - 10		1244	21	0	1265	0	-700.0	-874.0	350	Định Quán, Long Thành, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thông Nhất, Tân Phú
	Bệnh thán thư	Thu hoạch	1 - 10		1130	35	0	1165	0	-	-	734	Tân Phú, Long Thành, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Định Quán, TX Long Khánh, Thông Nhất
	Bọ trĩ	Ra hoa đậu trái	2 - 10		706	2	0	708	0	-326.0	-193.0	288	Định Quán, Tân Phú, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom, Thông Nhất
	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	8		317	2	0	319	0	-69.0	-46.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Định Quán
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15 - 16		126	0	0	126	0	-44.0	-119.0	42	Cẩm Mỹ, Tân Phú
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 6		806	29	0	835	0	-157.0	-68.0	29	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	1 - 8	15	658	19	4	681	0	-382.0	-59.0	119	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú, Thông Nhất, TX Long Khánh, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 8	22	547	7	2	556	0	-179.0	-9.0	36	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Định

													Quán
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	1 - 8	22	210	31	3	244	0	-233.0	-259.0	89	Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 5	7	221	9	2	232	0	-101.0	-93.0	64	Cẩm Mỹ, Tân Phú, Trảng Bom, Thống Nhất
Mía	Sâu đục thân	Thu hoạch	5 - 10		19	0	0	19	0	-5.0	2.0	0	Nhon Trạch, Trảng Bom
	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		15	3	0	18	0	-5.0	1.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mì)	Bọ phấn	Củ	5		150	0	0	150	0	-50.0	150.0	0	Long Thành
	Khảm lá virus	Giai đoạn-2 tháng; 10 tháng	5 - 20	12 - 80	27,8	6,4	8,8	43	0	-33.0	43.0	0	Vĩnh Cửu, Định Quán, Trảng Bom
	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5		6,5	0	0	6,5	0	-297.5	6.5	0	Trảng Bom
Ngô (Bắp)	Đốm lá nhỏ	Các giai đoạn	2 - 15		34	0	0	34	0	25.0	4.0	9	Cẩm Mỹ, Thống Nhất
	Bệnh rỉ sắt	Loa kèn	15		25	0	0	25	0	17.0	-11.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Sâu đục thân, bắp	Loa kèn	10		23	0	0	23	0	11.0	3.0	0	Cẩm Mỹ, Định Quán
	Rệp ngô	Loa kèn	15		17	0	0	17	0	17.0	14.0	0	Định Quán, Trảng Bom
Lúa	Ốc bươu vàng	Đòng-trở-chín	1 - 3		268	0	0	268	0	-170.0	103.0	184	Tân Phú, Trảng Bom
	Bệnh đạo ôn lá	Đẻ nhánh-đòng-trở	5 - 10		252	2	0	254	0	38.0	-110.0	172	Tân Phú, Long Thành, Trảng Bom, TX Long Khánh, Cẩm Mỹ
	Bọ trĩ (bù lạch)	Đẻ nhánh-đòng-trở	7 - 10		134	92	0	226	0	21.0	206.0	192	Tân Phú, Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ
	Chuột	Đòng-trở-chín	3 - 7		213	0	0	213	0	128.0	100.0	181	Tân Phú, Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đẻ nhánh-đòng-trở	5 - 10		148	0	0	148	0	148.0	92.0	138	Tân Phú, Long Thành, TX Long Khánh
	Rầy nâu	Đẻ nhánh-đòng-trở	10 - 1500		81	0	0	81	0	77.0	62.0	76	Tân Phú, Trảng Bom
	Sâu cuốn lá nhỏ	Đẻ nhánh-đòng-trở	18 - 25		70	0	0	70	0	11.0	0.0	25	Tân Phú, Nhơn Trạch, TX Long Khánh
	Bệnh đạo ôn cổ bông	Trở chín	3 - 15		30	0	0	30	0	15.0	27.0	0	Nhơn Trạch, Long Thành
	Bệnh đen lép hạt (lem lép)	Trở chín	10		15	0	0	15	0	15.0	15.0	15	Tân Phú

Bầu bí	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	1		7	0	0	7	0	7.0	7.0	7	Thông Nhất
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh sương mai	Các giai đoạn	5		7	2	0	9	0	0.0	8.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10		3,5	0	0	3,5	0	-0.5	-0.5	1	Trảng Bom, Nhơn Trạch
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		11	1	0	12	0	-3.0	1.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10		4,5	0	0	4,5	0	-0.5	-0.5	2	Trảng Bom, Nhơn Trạch
Rau cải ăn lá	Bọ nhảy	Các giai đoạn	10		22	0	0	22	0	-15.0	-17.0	18	Tân Phú, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Định Quán
	Sâu tơ	Các giai đoạn	1 - 10		10	0	0	10	0	-6.0	-14.0	8	Thông Nhất, Nhơn Trạch, Định Quán
Rau cần nước	Sâu xanh	Các giai đoạn	1		4	0	0	4	0	-3.0	4.0	4	Thông Nhất
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		3,5	0,5	0	4	0	1.5	1.0	0	Trảng Bom